

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC LIÊN QUAN KHÁC ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2021/NĐ-CP NGÀY 10/6/2021 QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTNĐ)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	Ý KIẾN NHẤT TRÍ/THỐNG NHẤT Ý KIẾN/KHÔNG CÓ Ý KIẾN BỔ SUNG ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH				
NHNN nhận được ý kiến tham gia của 49 đơn vị (gồm: 02 Bộ, 44 TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 03 công ty thông tin tín dụng), trong đó: 30 TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có ý kiến nhất trí/thống nhất ý kiến/không có ý kiến bổ sung đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định.					
B	Ý KIẾN THAM GIA ĐỐI VỚI DTNĐ				
I	GÓP Ý ĐỐI VỚI QUY ĐỊNH TẠI DTNĐ				
1	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12; Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 96/2025/QH15; Căn cứ Luật Doanh	Bộ Tài chính, NH Ngoại thương VN (VCB), NH Đại chúng (PVcombank)	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa “Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi bổ sung” thành “Luật Đầu tư số 143/2025/QH15”. Cơ sở đề xuất: Do Luật Đầu tư năm 2020 đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2026	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định
2	Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010; Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm	Căn cứ Luật Doanh	Bộ Tài chính	Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ, Bộ Tài chính nhất trí với chủ trương sửa	Đối với Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP: do hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;	ngành số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15; Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung;		đổi, bổ sung Nghị định số 58/2021/NĐ-CP nhằm hiện thực hóa mục tiêu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP, Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, trọng tâm là giảm bớt rào cản hành chính cho doanh nghiệp, cắt giảm số lượng thủ tục và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Đề nghị NHNN rà soát, cập nhật phần căn cứ ban hành của Nghị định: Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.	quy định tại Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; Nghị quyết số 66.17/NQ-CP tiếp tục quy định hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện (không thay đổi so với quy định tại Luật Đầu tư số 143/2025/QH15) và có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027. Tại căn cứ ban hành Nghị định đã có Luật Đầu tư số 143/2025/QH15. Do đó, dự thảo Nghị định không bổ sung Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP vào phần căn cứ ban hành.
3	Điều 4. Nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng ...2. Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng phải tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo tính trung thực, khách quan và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 “2. Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định pháp luật khác có liên quan, đảm bảo tính trung thực, khách quan và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp	Hiệp hội Ngân hàng, VCB, NH Sài Gòn công thương (Saigonbank), NH Á châu (ACB)	- Công ty thông tin tín dụng, tổ chức tham gia của công ty tín dụng được xử lý dữ liệu của khách hàng vay (chủ thẻ dữ liệu) trên cơ sở được sự đồng ý của chủ thẻ dữ liệu. Theo Điều 10 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, chủ thẻ dữ liệu có quyền yêu cầu rút lại sự đồng ý, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân tiếp nhận,	Tiếp thu. Dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo hướng: <i>khách hàng vay không được yêu cầu rút lại sự đồng ý, hạn chế xử lý, xóa, hủy, khi nhận dạng dữ liệu.</i> Lý do: - Khoản 1 Điều 10 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định: <i>“1. Chủ thẻ dữ liệu cá nhân</i>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		của các tổ chức, cá nhân có liên quan.”.		<p>thực hiện và yêu cầu bên xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện yêu cầu rút lại sự đồng ý, hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cá nhân. Như vậy, khi khách hàng vay rút lại sự đồng ý hoặc yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu thì hoạt động thông tin tín dụng sẽ bị ảnh hưởng. Công ty thông tin tín dụng, tổ chức tham gia sẽ không thể tiếp tục phân tích, tổng hợp, lưu trữ, cung cấp, công khai thông tin tín dụng của khách hàng.</p> <p>Do đó, đề xuất xem xét bổ sung thêm nội dung về nguyên tắc xử lý thông tin tín dụng sau khi khách hàng rút lại sự đồng ý, bảo đảm phù hợp với đặc thù hoạt động cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.</p> <p>- Hoạt động xử lý dữ liệu trong lĩnh vực tín dụng là yếu tố cốt lõi để thẩm định, quyết định cấp tín dụng; giám sát, quản lý khoản vay trong suốt vòng đời; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro. Đồng thời là nguồn thông tin đầu vào bắt buộc cho hệ thống thông tin tín dụng quốc gia. Việc xử lý dữ liệu trong trường hợp này không</p>	<p><i>có quyền yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân của mình khi có nghi ngờ phạm vi, mục đích xử lý dữ liệu cá nhân hoặc tính chính xác của dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 19 của Luật này hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác.”</i></p> <p>- Khoản 2 Điều 14 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định: “2. Không thực hiện yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân về việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân trong <u>các trường hợp quy định tại Điều 19 của Luật này</u> hoặc việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật này.”; điểm c khoản 6 Điều 14 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định: “c) Việc <u>khử nhận dạng dữ liệu cá nhân tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan</u>”.</p> <p>Luật BVĐLCN đã có quy</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>chỉ dựa trên sự đồng ý của khách hàng, mà còn xuất phát từ nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành, yêu cầu đảm bảo an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong hệ thống tài chính. Để đảm bảo tính khả thi và an toàn hệ thống, một số TCTD đề xuất bổ sung, làm rõ các nội dung về phạm vi áp dụng quyền rút lại sự đồng ý không áp dụng một cách tuyệt đối trong trường hợp chủ thể dữ liệu cá nhân đang có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng. Dự thảo Nghị định cần phân định mục đích xử lý dữ liệu và việc rút lại sự đồng ý khi dữ liệu được sử dụng không mang tính bắt buộc như: hoạt động tiếp thị, quảng cáo, chia sẻ dữ liệu ngoài phạm vi phục vụ hoạt động tín dụng. Đồng thời, cho phép tiếp tục các hoạt động xử lý dữ liệu đối với các nghĩa vụ pháp lý, quan hệ tín dụng đang tồn tại và yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>định về các trường hợp khác, theo đó, dự thảo Nghị định bổ sung nguyên tắc trên để phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và để đảm bảo tính toàn vẹn của thông tin tín dụng, phản ánh đúng thực trạng thông tin tín dụng, góp phần đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4	Điều 4. Nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng ...	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4	BIDV	<p>Căn cứ Nghị định 58/2021/NĐ-CP tại điều 18, thông tin tín dụng được thu thập bao gồm “Thông tin định danh của người có liên quan của khách hàng vay theo quy định pháp luật hiện hành”. Theo đó, tổ chức tham gia bắt buộc phải cung cấp dữ liệu cá nhân của người có liên quan tới khách hàng vay trong trường hợp công ty thông tin tín dụng yêu cầu.</p> <p>Hiện tổ chức tham gia có thể áp dụng Điều 19 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 khoản 1, điểm d:</p> <p>“1. Các trường hợp xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân bao gồm:</p> <p>...d) Thực hiện thỏa thuận của chủ thể dữ liệu cá nhân với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật” để cung cấp thông tin mà không cần thu thập sự đồng ý của đối tượng Chủ thể dữ liệu cá nhân là người có liên quan hay không?</p> <p>Đề nghị Ngân hàng Nhà nước có hướng dẫn thực hiện chi tiết nội dung trên.</p>	

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Điều 4. Nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng ...	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4	FE Credit (VPB SMBC FC)	<p>Đề nghị Quý Cơ quan xem xét sửa đổi Điều 1 của Dự thảo Nghị định để phân biệt rõ “<i>hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng</i>” theo Nghị định 58/2021/NĐ-CP với “<i>dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân</i>” theo Điều 21 Nghị định 356/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (“<i>Nghị định 356/2025/NĐ-CP</i>”), cụ thể như sau:</p> <p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4:</p> <p>“2. Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định pháp luật khác có liên quan, đảm bảo tính trung thực, khách quan và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan. <u><i>Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng không phải là dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.</i></u>”</p> <p><u>Cơ sở đề xuất:</u></p> <p>- Theo danh mục về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư đã được sửa đổi, bổ</p>	<p>Không tiếp thu. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục IV Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (đã được sửa đổi bởi Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP) quy định danh mục về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bao gồm 2 ngành riêng biệt là “cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng” và “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân”. - Mặt khác, khoản 2 Điều 3 Nghị định 58/2021/NĐ-CP đã có giải thích từ ngữ “Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng”; Điều 21 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định các dịch vụ thuộc phạm vi “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân” (trong đó có dịch vụ chấm điểm, xếp hạng, đánh giá mức độ tín nhiệm của chủ thể dữ liệu cá nhân...). <p>Theo đó, hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng có thể bao gồm một/một số hoạt động thuộc phạm vi “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân”.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>sung thì “cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng” được đề cập tại số thứ tự 224 và “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân” được đề cập tại số thứ tự 234. Theo đó, đây là là hai ngành, nghề kinh doanh độc lập.</p> <p>- Tuy vậy, hiện nay, Điều 21 của Nghị định 356/2025/NĐ-CP đang quy định một số dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân có nội dung khá tương đồng với định nghĩa về “hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng” được đề cập tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 58.</p> <p>- Đề xuất bổ sung như nêu trên nhằm tạo cơ sở phân biệt rõ ràng, tránh các cách hiểu khác nhau, gây lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ thông tin tín dụng. Việc sửa đổi này cũng tạo ra hành lang pháp lý minh bạch cho doanh nghiệp triển khai và sử dụng dịch vụ và đảm bảo việc tuân thủ quy định của pháp luật.</p>	

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
6	<p>Điều 9. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận</p> <p>1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây:</p> <p>...d) Có phương án bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin; đ) Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc.</p>	<p>Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 9</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau: “d) Có phương án bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin; có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc.”.</p> <p>2. Bãi bỏ điểm đ khoản 1.</p>	Bộ Công an	Tại điểm d khoản 1 Điều 9 đề nghị nghiên cứu, sửa thành “Có phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin, phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng, phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc”. Vì theo quy định tại Luật An ninh mạng năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026), cụm từ “an toàn thông tin” đã được bãi bỏ.	Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung liên quan tại dự thảo Nghị định.
7			Hiệp hội Ngân hàng, Saigonbank	Quy định về đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc chưa làm rõ cách thức xác định thời gian gián đoạn, phạm vi các dịch vụ thông tin tín dụng thuộc đối tượng áp dụng cũng như các trường hợp được loại trừ. Điều này có thể gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá mức độ tuân thủ trong thực tế. Đề xuất bổ sung rõ hơn các trường hợp áp dụng.	Tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng: quy định “không quá 04 giờ làm việc kể từ thời điểm bị gián đoạn”.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
8	<p>Điều 9. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận</p> <p>...</p> <p>6. Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tin dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia, trong đó có tối thiểu các nội dung sau:</p>	<p>Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 9</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau: “6. Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia theo Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này.”.</p>	VCB	Đối với văn bản thỏa thuận cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty TTTD với tổ chức tham gia: Đề nghị NHNN xem xét điều chỉnh Dự thảo theo hướng chỉ quy định nội dung tối thiểu phải có tại văn bản thỏa thuận (như NĐ 58 hiện hành). Các nội dung khác nên để cho Công ty TTTD và Tổ chức tham gia thỏa thuận để đảm bảo phù hợp với yêu cầu và tình hình triển khai thực tế giữa các bên.	Văn bản thỏa thuận cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty TTTD với tổ chức tham gia: bao gồm nội dung tối thiểu được quy định tại Phụ lục XIII của dự thảo Nghị định. Các nội dung tại Phụ lục XIII bao gồm các nội dung tối thiểu phải có tại văn bản thỏa thuận nêu trên, được kế thừa quy định từ điểm a đến điểm k khoản 6 Điều 9 Nghị định 58/2021/NĐ-CP và không bổ sung nội dung mới so với quy định tại Nghị định 58/2021/NĐ-CP. Theo đó đã đảm bảo phù hợp với đề nghị của ngân hàng.
10	<p>Điều 10. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ ...</p> <p>2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực, không được cấp từ sổ gốc thì công ty thông tin tín dụng xuất trình kèm theo bản chính (bằng văn bản</p>	<p>Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 10</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: “2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực, không được cấp từ sổ gốc thì công ty thông tin tín dụng xuất trình kèm theo</p>	Bộ Tài chính	Về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: Đề nghị NHNN cân nhắc bổ sung quy định cho phép tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả hoàn toàn dưới hình thức trực tuyến (môi trường điện tử) thông qua cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của NHNN. Bỏ toàn bộ các quy định yêu cầu nộp bản giấy hoặc bản sao có chứng thực đối với các	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định theo hướng: - Bổ sung quy định về trả kết quả giải quyết hồ sơ; - Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: thực hiện thông qua cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của NHNN; Trường hợp hệ thống Cổng

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hoặc hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật) để đối chiếu; người đối chiếu ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.</p> <p>3. Hồ sơ được nộp tại bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>bản chính (bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật) để đối chiếu; người đối chiếu ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.”.</p>		giấy tờ đã có trên cơ sở dữ liệu quốc gia.	<p>dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>- Đối với giấy tờ có trên cơ sở dữ liệu quốc gia (như: phiếu lý lịch tư pháp): không yêu cầu gửi trong thành phần hồ sơ, cán bộ giải quyết thủ tục hành chính sẽ thực hiện khai thác từ Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.</p>
11			NH Tiên phong	Theo nội dung Bản so sánh, thuyết minh Dự thảo, để phù hợp	Tiếp thu một phần (nội dung gửi hồ sơ trực tuyến).

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12			(TPBank)	<p>với Kế hoạch nâng cấp và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của NHNN, đề xuất bổ sung hình thức gửi hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia để phù hợp.</p> <p>Do đó, TPBank đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung khoản 2 Điều 3 Dự thảo như sau:</p> <p>“3. Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.”</p>	Dự thảo Nghị định được chỉnh sửa theo hướng: Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thực hiện thông qua cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của NHNN.
12			Hiệp hội Ngân hàng, Agribank	<p>Đề xuất bổ sung cụm từ “của pháp luật” cho phù hợp và rõ nghĩa, cụ thể như sau: “2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, không có chứng thực, không được cấp từ sổ gốc thì ... thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận ...3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 11 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.	Bộ Tài chính	Về thời hạn cấp phép Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng (Giấy chứng nhận): Đề nghị NHNN rà soát, điều chỉnh giảm thời hạn thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đảm bảo chỉ tiêu cắt giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Mục I Nghị quyết số 66/NQ-CP.	Thời gian giải quyết 03 TTHC trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng tại dự thảo Nghị định là 27 ngày (trong khi Nghị định số 58/2021/NĐ-CP là 55 ngày). Theo đó, thời gian giải quyết TTHC trong lĩnh vực này đã đảm bảo cắt giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025.
14	Điều 12. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận 1. Công ty thông tin tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau đây: a) Giấy chứng nhận bị mất; b) Giấy chứng nhận bị rách hoặc hư hỏng khác. 2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, bao gồm:	Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 11 4. Bổ sung khoản 4 như sau: “Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng khác, công ty thông tin tín dụng gửi Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục X ban hành	TPBank, Bắc Á	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, Chương II Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, ngân hàng đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Dự thảo như sau: Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng khác, công ty thông tin tín dụng gửi Đơn đề	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định theo hướng: sửa các nội dung “cấp lại” thành “cấp bản sao từ sổ gốc”.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất).</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi công ty thông tin tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP và Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất) theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy chứng nhận từ bản gốc theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ bản gốc cho công ty thông tin tín dụng.”.</p>		<p>nghe cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP và Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất) theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy chứng nhận từ sổ gốc theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ sổ gốc cho công ty thông tin tín dụng.</p>	
15	<p>4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này.</p>		PVcombank	<p>Khi làm Đơn đề nghị cấp lại GCN, công ty TTTD cần được cấp lại bản gốc GCN thì mới phù hợp với nội dung điều khoản này và phù hợp với nội dung mẫu Đơn đề nghị tại Phụ lục X.</p> <p>Đề xuất sửa như sau: “Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 11:</p> <p>4. Bổ sung khoản 4 như sau: “Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng khác, công ty thông tin tín dụng gửi Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng</p>	

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>nhận theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) và Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất) theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản gốc Giấy chứng nhận cho công ty thông tin tín dụng.”</p>	
16	<p>Điều 13. Trình tự, thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận</p> <p>...4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này (Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời</p>	<p>Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13</p> <p>“4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này (Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách</p>	Bộ Công an	<p>Tại khoản 4 Điều 6 (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13) dự thảo Nghị định quy định “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này (Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận); trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung liên quan thành “05 ngày làm việc” để phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	của Giấy chứng nhận); trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	rời của Giấy chứng nhận); trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.		và nêu rõ lý do”; tuy nhiên, tại mục 2 phần VIII (trang 8) dự thảo Tờ trình nêu: “...trả kết quả cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đúng hạn trong 07 ngày làm việc (rút ngắn thời hạn xử lý từ 15 ngày xuống 07 ngày làm việc)...”, như vậy quy định về thời hạn là chưa thống nhất. Đề nghị NHNN rà soát để quy định bảo đảm thống nhất, phù hợp.	
17	Điều 17. Quy định nội bộ a) b) c) d) đ)	Điều 7. Bổ sung khoản 2 Điều 17 Bổ sung điểm e vào khoản 2 như sau: “e) Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, bao gồm tối thiểu các nội dung về sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân, xử lý dữ liệu khi chủ thể dữ liệu cá nhân rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân, đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ	PCB	Đề xuất NHNN bổ sung cụm từ “(nếu có)” vào sau cụm từ “hồ sơ đánh giá tác động chuyên dữ liệu cá nhân xuyên biên giới” của Điều 7 khoản này. Lý do: Theo quy định của Luật BVĐLCN và Nghị định 356, hồ sơ đánh giá tác động chuyên dữ liệu cá nhân xuyên biên giới sẽ chỉ phải lập nếu có hoạt động chuyên dữ liệu xuyên biên giới. Nếu quy định như hiện tại, mặc dù Công ty thông tin tín dụng không có hoạt động chuyên dữ liệu xuyên biên giới vẫn phải quy định về cập nhật hồ sơ đánh giá tác động chuyên dữ liệu cá nhân xuyên biên giới.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18		đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới, thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”.	NH Thịnh vượng và phát triển (PGBank)	<p>Thông tin tín dụng thường được lưu giữ trong thời nhất định để đánh giá lịch sử vay vốn của Khách hàng. Nếu chủ thẻ dữ liệu (khách hàng) rút lại sự đồng ý ngay sau khi phát sinh nợ xấu, điều này có thể dẫn đến việc xóa bỏ thông tin nợ xấu, gây rủi ro cho hệ thống ngân hàng và tính trung thực của hệ thống thông tin tín dụng. Do vậy cần có sự cân bằng giữa quyền rút lại sự đồng ý theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu để phục vụ quản trị rủi ro hệ thống.</p> <p>- PGBank đề xuất sửa đổi nội dung bổ sung điểm e vào Khoản 2 Điều 17 Nghị định 58/2021/NĐ-CP như sau: “... xử lý dữ liệu khi chủ thẻ dữ liệu cá nhân rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân phù hợp với quy định về thời gian lưu giữ thông tin tín dụng và không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ cung cấp thông tin đã phát sinh theo thỏa thuận trước đó.....”.</p>	<p>Tiếp thu một phần.</p> <p>- Dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo hướng: <i>khách hàng vay không được yêu cầu rút lại sự đồng ý, hạn chế xử lý, xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu.</i></p> <p>- Theo đó, sửa đổi nội dung bổ sung điểm e khoản 2 Điều 17 như sau: “e) Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, bao gồm tối thiểu các nội dung đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới, thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”.</p>
19	Phụ lục I đến Phụ lục XII: Phụ lục I	Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Phụ lục I, II, VI, VII, VIII, IX, X, XI,	Hiệp hội Ngân hàng, NCB	Dự thảo đang quy định Công ty TTTD được xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng được cung cấp theo quy định pháp luật nhưng chưa	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>XII, XIII</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 của Phụ lục I như sau: “a) Bên A đồng ý cho Bên B cung cấp thông tin tín dụng của Bên A tại Bên B cho công ty thông tin tín dụng mà Bên B đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia) và công ty thông tin tín dụng được xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng được cung cấp theo quy định của pháp luật.”.</p>		<p>ràng buộc nghĩa vụ theo thỏa thuận với TCTD. Đề xuất xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 của Phụ lục I như sau: “a) ... và công ty thông tin tín dụng được xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng được cung cấp theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận với Công ty tham gia.”.</p>	
20	Phụ lục X - Mẫu đơn đề nghị cấp lại/thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	Phụ lục X - Mẫu đơn đề nghị cấp lại/thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	Bắc Á	Tại Phụ lục X, đề nghị bỏ nội dung “được cấp lại” tại phần nội dung về công bố thông tin và bổ sung footnote 3 do trường hợp cấp lại chỉ là cấp bản sao GCN, không thuộc trường hợp phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 58.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định (Phụ lục X - Mẫu đơn đề nghị cấp bản sao từ sổ gốc/thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng).

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
21	Phụ lục XII - Mẫu quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	Phụ lục XII - Mẫu quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	Agribank	Tại Phụ lục XII mẫu quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng Đề nghị đơn vị soạn thảo sửa lại lỗi ghi chú (5) tại điều cuối cùng của phụ lục XII: “Điều ... Chánh văn phòng Ngân hàng ... Công ty thông tin tín dụng ...(5)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.” Lý do: Ghi chú đúng phải là (1) Tên công ty thông tin tín dụng.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại Phụ lục XII dự thảo Nghị định.
22	Khoản 6 Điều 9 quy định: 6. Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia, trong đó có tối thiểu các nội dung sau: ... <i>d) Nghĩa vụ thông báo, thỏa thuận với khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay;</i>	Bổ sung Phụ lục XIII quy định: Căn cứ quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan, công ty thông tin tín dụng và tổ chức tham gia cùng thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng với những nội dung tối thiểu như sau (02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù	Hiệp hội Ngân hàng, NCB	Quy định về “nghĩa vụ thỏa thuận với khách hàng vay” tại mục 2.4 có thể dẫn đến cách hiểu TCTD phải ký kết một thỏa thuận/văn bản độc lập riêng với khách hàng về việc sử dụng thông tin tín dụng. Trên thực tế, nội dung chấp thuận cho phép TCTD cung cấp, chia sẻ thông tin đã được tích hợp trong hợp đồng/thỏa thuận và/hoặc các điều khoản/điều kiện mà Khách hàng đã chấp thuận. Nếu phát sinh thêm yêu cầu về hình thức thỏa thuận riêng có thể làm gia tăng thủ tục, chi phí vận hành và ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng.	- Phụ lục XIII: tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng nêu rõ chủ thể của nội dung thông báo cho khách hàng tại điểm 2.4. - Sửa khoản 6 Điều 9 thành “6. Có thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia theo Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này.”

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>hợp với quy định pháp luật):</p> <p>2. Nội dung thỏa thuận gồm:</p> <p>2.4. <i>Nghĩa vụ thông báo, thỏa thuận với khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay.</i>”</p>		<p>Đề xuất xem xét quy định làm rõ theo hướng TCTD được thực hiện nghĩa vụ thông báo, thỏa thuận với khách hàng vay thông qua các điều khoản được tích hợp trong hợp đồng tín dụng, thỏa thuận và/hoặc điều khoản, điều kiện giao dịch có liên quan và/hoặc các hình thức khác do TCTD lựa chọn phù hợp với quy định pháp luật; đồng thời không bắt buộc phải ký kết thỏa thuận/văn bản độc lập riêng biệt hoặc thực hiện ký kết, bổ sung lại với khách hàng nếu các nội dung chấp thuận đã được xác lập, thực hiện trước thời điểm Nghị định có hiệu lực.</p>	
23	<p>Khoản 6 Điều 9 quy định:</p> <p>6. Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia, trong đó có tối thiểu các nội dung sau:</p> <p>...e) <i>Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng;</i></p>	<p>Bổ sung Phụ lục XIII quy định nội dung thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm TTTD như sau:</p> <p>...</p> <p>2.6. <i>Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng.</i></p>	VCB	<p>- Đối với nội dung tại điểm 2.6: Đề nghị NHNN bổ sung “nghĩa vụ báo cáo chất lượng dữ liệu và quyền kiểm tra” vào nội dung tối thiểu tại văn bản thỏa thuận, cụ thể: “Trách nhiệm và phương thức của các bên trong việc rà soát, đối chiếu định kỳ; nghĩa vụ báo cáo chất lượng dữ liệu và quyền kiểm tra của Tổ chức tham gia đối với hoạt động xử lý dữ liệu của Công ty thông tin tín dụng”.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Theo Luật Bảo vệ</p>	<p>Phụ lục XIII ban hành kèm theo Dự thảo Nghị định quy định tối thiểu các nội dung trong văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia. Nội dung phụ lục đã có quy định 02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật. Tại phần mở đầu của Phụ lục XIII ban</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>...</p> <p><i>i) Hiệu lực của văn bản thỏa thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận;</i></p>	<p>...</p> <p><i>2.9. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận.</i></p>		<p>dữ liệu cá nhân, ngân hàng với tư cách là Bên kiểm soát dữ liệu có trách nhiệm nêu rõ quyền và nghĩa vụ của các bên trong thỏa thuận xử lý dữ liệu. Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước chủ thể dữ liệu (khách hàng vay) về các thiệt hại phát sinh, trừ khi chứng minh được lỗi hoàn toàn thuộc về bên xử lý. Việc bổ sung “Quyền được kiểm tra” chính là cơ chế pháp lý để ngân hàng thực hiện nghĩa vụ giám sát bên thứ ba và giảm thiểu rủi ro bị xử phạt hành chính lên tới 5% doanh thu nếu có vi phạm xảy ra tại hệ thống của đối tác.</p> <p>- Đối với nội dung tại điểm 2.9: Đề nghị NHNN bổ sung “cơ chế xử lý dữ liệu sau khi chấm dứt thỏa thuận” vào nội dung tối thiểu tại văn bản thỏa thuận, cụ thể: “Hiệu lực của văn bản thỏa thuận, đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận và cơ chế xử lý dữ liệu sau khi chấm dứt thỏa thuận, bao gồm: nghĩa vụ ngừng khai thác thương mại đối với dữ liệu đã thu thập, trách nhiệm hoàn trả dữ liệu theo yêu cầu của Tổ chức</p>	<p>hành kèm theo Dự thảo Nghị định đã quy định rõ nội dung mở: “(02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật)”. Do đó, cơ sở pháp lý để các bên thỏa thuận thêm các nội dung đặc thù đã được bảo đảm.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>tham gia, thời hạn và quy trình xóa vật lý dữ liệu sau khi hết thời hạn lưu trữ bắt buộc theo quy định pháp luật”.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Cần quy định rõ nghĩa vụ của Công ty TTTD về việc tiếp tục lưu trữ phục vụ mục đích lịch sử hay phải hủy bỏ/trả lại dữ liệu cho ngân hàng. Nếu không quy định rõ, sẽ phát sinh rủi ro công ty TTTD vẫn tiếp tục khai thác kinh doanh trên dữ liệu của ngân hàng dù quan hệ hợp tác đã chấm dứt, gây bất lợi cho vị thế cạnh tranh của ngân hàng đó.</p>	
24	<p>Khoản 6 Điều 9 quy định:</p> <p>6. Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia, trong đó có tối thiểu các nội dung sau:</p> <p>...k) Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng.;</p> <p>.....</p>	<p>Bổ sung Phụ lục XIII quy định nội dung thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm TTTD như sau:</p> <p>...2.10. k) Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng..</p>	VCB	<p>Đề nghị NHNN bổ sung “tiêu chuẩn kỹ thuật” vào nội dung tối thiểu tại văn bản thỏa thuận, cụ thể: “các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin, chuẩn mã hóa dữ liệu trong quá trình truyền đưa và lưu trữ; cam kết về tính toàn vẹn của dữ liệu.”</p> <p>Thỏa thuận cần quy định rõ Công ty TTTD phải áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành và áp dụng tại Việt Nam.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Nghĩa vụ bảo mật trong truyền tải: Theo Nghị định</p>	<p>Điểm 2.10 Phụ lục XIII đã quy định “các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng”, theo đó Công ty TTTD sẽ phải tuân thủ các nghĩa vụ về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Nội dung tại điểm 2.10 đã đảm bảo bao quát nội dung đề xuất của ngân hàng. Trường hợp cần thiết, công ty TTTD và TCTD thỏa thuận bổ sung nội dung cụ thể phù</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				356/2025/NĐ-CP, việc chuyển giao dữ liệu cá nhân nhạy cảm (bao gồm thông tin tín dụng) bắt buộc phải có các biện pháp mã hóa, ẩn danh và các biện pháp bảo mật khác trong quá trình chuyển giao.	hợp với quy định của pháp luật.
25		Điều 11. Hiệu lực thi hành 2. Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các công ty thông tin tín dụng đã thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải rà soát sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) và gửi các quy định nội bộ này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”	Hiệp hội Ngân hàng, NCB, PCB	Thời hạn 03 tháng để các Công ty TTTD rà soát, sửa đổi quy định nội bộ và triển khai thực hiện là tương đối ngắn, trong khi việc triển khai có liên quan đến điều chỉnh quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu và cơ chế phối hợp/thực hiện với TCTD tham gia. Đề xuất xem xét quy định thời gian chuyển tiếp/thời gian triển khai thực hiện tối thiểu 06 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực để các Công ty TTTD và TCTD có đủ thời gian rà soát, điều chỉnh quy định nội bộ, hệ thống, quy trình và hồ sơ liên quan.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.
II	GÓP Ý KHÁC				
26	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	PCB, FCBV	Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 3 như sau: “Tổ chức tham gia của công ty	- Tiếp thu một phần và chỉnh sửa theo hướng bổ sung tổ chức tham gia khác bao gồm:

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>sau:</p> <p>...3. Tổ chức tham gia của công ty thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia) là tổ chức tự nguyện cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng, bao gồm: tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia khác).</p>			<p>thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia) là tổ chức tự nguyện cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng, bao gồm: tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ <u>và các dịch vụ khác</u> có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia khác)".</p> <p>Lý do:</p> <p>Thực tế hiện nay nhiều tổ chức như các công ty BNPL (mua trước trả sau), P2P (cho vay ngang hàng) và các mô hình tương tự có nhu cầu lớn trong việc tiếp cận nguồn thông tin tín dụng của KHV, nên việc thu thập thông tin tín dụng từ các tổ chức này là rất cần thiết để đảm bảo thông tin có giá trị và quan hệ hai chiều giữa công ty thông tin tín dụng và tổ chức tham gia.</p> <p>- Việc mở rộng phạm vi dịch vụ</p>	<p>công ty cung cấp dịch vụ mua trước trả sau, tổ chức cho vay ngang hàng để phù hợp với thực tiễn (mở rộng độ phủ của dữ liệu, nâng cao khả năng đánh giá rủi ro, góp phần đảm bảo an toàn hệ thống, đảm bảo quyền lợi của chủ thể dữ liệu...).</p> <p>- Dự thảo Nghị định không mở rộng phạm vi “các dịch vụ khác” do: Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, việc quy định rõ các loại hình tổ chức/hoạt động nhằm đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của quy định pháp luật, giúp kiểm soát mục đích sử dụng thông tin tín dụng, bảo mật thông tin dữ liệu,...</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>của “tổ chức tham gia khác” sẽ góp phần mở rộng độ phủ dữ liệu thông tin tín dụng, nâng cao khả năng đánh giá rủi ro tín dụng, hỗ trợ thúc đẩy tài chính toàn diện, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế số và định hướng xây dựng hệ sinh thái dữ liệu tài chính quốc gia. Đồng thời, phạm vi mới này bảo đảm tính linh hoạt của Nghị định trước sự phát triển nhanh của các mô hình kinh doanh mới trong tương lai, tránh phải sửa đổi nhiều lần.</p>	
27	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: ...4. Khách hàng vay là tổ chức, cá nhân được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng hoặc được tổ chức tham gia khác cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.</p>	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	PCB	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 3 như sau: “Khách hàng vay là tổ chức, cá nhân <u>có nhu cầu</u> hoặc được cấp tín dụng bởi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng hoặc có nhu cầu hoặc được cung cấp dịch vụ bởi tổ chức tham gia khác”. Lý do: - Bổ sung cụm từ “có nhu cầu” nhằm thu thập được đầy đủ thông tin liên quan trong quá trình khách hàng vay có nhu cầu/ được cấp tín dụng/ được cung cấp dịch vụ, phù hợp với thực tế vận hành tại các tổ</p>	<p>Không tiếp thu. Lý do: 1. Về đề nghị bổ sung cụm từ “có nhu cầu”: - Điểm b khoản 1 Điều 37 Luật NHNN năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định nhiệm vụ của NHNN về hoạt động thông tin như sau: “b) Tổ chức, giám sát việc cung cấp <i>thông tin tín dụng của khách hàng có quan hệ với tổ chức tín dụng</i> cho tổ chức tín dụng”. Theo đó, NHNN quản lý hoạt động cung ứng thông tin tín dụng phù hợp với nội dung về hoạt</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>chức tham gia. Từ đó, đáp ứng các chức năng truy vấn sản phẩm thông tin tín dụng cơ bản của PCB.</p> <p>- “Tổ chức tham gia khác” đã được nhắc đến và được gọi tắt tại Khoản 3 Điều 3 nên không cần diễn giải cụ thể tại Khoản 4 Điều 3.</p>	<p>động thông tin (<i>trong phạm vi có quan hệ tín dụng</i>).</p> <p>- Khoản 3 Điều 3 quy định tổ chức tham gia là các tổ chức cung cấp các dịch vụ gắn với các điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Theo đó, khi khách hàng mới có nhu cầu, chưa ký kết hợp đồng, chưa được cung cấp các dịch vụ (chưa có các điều kiện ràng buộc về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật), như vậy chưa phát sinh hoạt động cung ứng dịch vụ... Vì vậy, khách hàng “có nhu cầu” chưa phải là đối tượng và không thuộc phạm vi quản lý của hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tham gia khác có thể có nhiều hoạt động/cung cấp nhiều dịch vụ khác nhau, ngoài các dịch vụ như cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ, mua</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					trước trả sau, cho vay ngang hàng có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ... Trường hợp các tổ chức này cung cấp cho khách hàng các dịch vụ khác ngoài các dịch vụ cụ thể nêu tại khoản 4 Điều 3 thì các khách hàng không phải là các khách hàng được cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Vì vậy, việc nêu cụ thể các dịch vụ được cung cấp tại khoản 4 Điều 3 là cần thiết, đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch.
28	Điều 3. Giải thích từ ngữ ...9. Sản phẩm thông tin tín dụng là báo cáo, ấn phẩm hoặc các hình thức khác mang thông tin tín dụng được công ty thông tin tín dụng tạo ra trên cơ sở thông tin tín dụng thu thập được để cung cấp cho các đối tượng sử dụng.	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	FE Credit (VPB SMBC FC)	Đề nghị Quý Cơ quan xem xét sửa đổi khoản 9 Điều 3 Nghị định 58/2021/NĐ-CP như dưới đây để làm rõ phạm vi “ <i>sản phẩm thông tin tín dụng</i> ”: “9. Sản phẩm thông tin tín dụng là báo cáo, ấn phẩm hoặc các hình thức khác mang thông tin tín dụng được công ty thông tin tín dụng tạo ra để cung cấp cho các đối tượng sử dụng. Trong đó các hình thức khác mang thông tin tín dụng bao gồm: (i) Các sản phẩm được tạo ra từ việc tính toán, phân tích, đánh giá	Không tiếp thu. Lý do: (i) “ <i>Các sản phẩm được tạo ra từ việc tính toán, phân tích, đánh giá, ...</i> ” đã bao hàm trong nội dung “ <i>Sản phẩm thông tin tín dụng là báo cáo, ấn phẩm hoặc các hình thức khác mang thông tin tín dụng</i> ” của khoản 9 Điều 3. (ii) “ <i>...hành vi, thông tin về thiết bị, tài sản của khách hàng và các nguồn thông tin được thu thập hợp pháp khác</i> ” là các khái niệm rộng

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>từ thông tin tín dụng như: điểm/ kết quả xếp hạng tín nhiệm/ xếp hạng tín dụng, kết quả đánh giá khả năng trả nợ;</p> <p>(ii) Các sản phẩm được tạo ra từ việc kết hợp giữa thông tin tín dụng với các dữ liệu khác không phải là thông tin tín dụng như: thông tin cảnh báo, thông tin đánh giá về hành vi, thông tin về thiết bị, tài sản của khách hàng và các nguồn thông tin được thu thập hợp pháp khác.”</p> <p><u>Cơ sở đề xuất:</u></p> <p>- Hiện nay, bên cạnh các thông tin tín dụng, rất nhiều nguồn thông tin khác có thể được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với thông tin tín dụng để đánh giá tổng thể năng lực tài chính cũng như khả năng trả nợ của khách hàng như các thông tin được tính toán, phân tích, trích xuất từ thông tin tín dụng như điểm/ kết quả xếp hạng tín nhiệm/ xếp hạng tín dụng, kết quả đánh giá khả năng trả nợ; hành vi của khách hàng, thông tin về thiết bị, tài sản của khách hàng.... Việc kết hợp nhiều thông tin hợp pháp khác ngoài thông tin</p>	<p>có thể vượt quá các nguồn thông tin, dữ liệu sử dụng cho sản phẩm thông tin tín dụng và ảnh hưởng đến quyền riêng tư của cá nhân.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>tín dụng sẽ giúp cho “sản phẩm thông tin tín dụng” tăng tính xác thực, phản ánh chính xác về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng, mang lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động xét duyệt cấp tín dụng, góp phần giảm thiểu rủi ro tín dụng.</p> <p>- Tuy nhiên, hiện nay cụm từ “các hình thức khác mang thông tin tín dụng” chưa đủ rõ ràng, dẫn đến các tổ chức lúng túng trong việc triển khai thực hiện, cũng như tiềm ẩn rủi ro pháp lý khi kinh doanh và sử dụng “sản phẩm thông tin tín dụng” mà có sử dụng kết hợp với dữ liệu, thông tin không phải thông tin tín dụng. Việc sửa đổi này cũng tạo ra hành lang pháp lý minh bạch cho doanh nghiệp triển khai và sử dụng dịch vụ và đảm bảo việc tuân thủ quy định của pháp luật.</p>	

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
29	<p>Điều 4. Nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng</p> <p>4. Công ty thông tin tín dụng chỉ được thu thập thông tin tín dụng của khách hàng vay từ các tổ chức tham gia khi khách hàng vay đồng ý cho tổ chức tham gia này cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p>	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	SHB	<p>- Hiện hợp đồng tín dụng hoặc các văn bản khác có liên quan của các tổ chức tín dụng đều có điều khoản về việc khách hàng đồng ý cho phép các tổ chức tín dụng sử dụng các thông tin trong hồ sơ tín dụng, bao gồm cả thông tin về lịch sử tín dụng để cung cấp cho công ty thông tin tín dụng phù hợp với quy định của Luật Dữ liệu năm 2024, Nghị định 356/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và văn bản pháp luật có liên quan. Việc phải áp dụng thêm một mẫu biểu với nội dung tương tự với khách hàng là không cần thiết, làm phức tạp quy trình tín dụng và ảnh hưởng tiêu cực đến trải nghiệm dịch vụ của khách hàng tổ chức tín dụng.</p> <p>- Đề xuất: Đơn vị soạn thảo xem xét sửa đổi bổ sung nội dung này theo hướng công ty thông tin tín dụng chỉ được thu thập thông tin tín dụng của khách hàng vay từ các tổ chức tham gia khi khách hàng vay đồng ý cho tổ chức tham gia này cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng theo các điều khoản tại hợp</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng: <i>4. Công ty thông tin tín dụng chỉ được thu thập, xử lý thông tin tín dụng của khách hàng vay khi khách hàng vay có thỏa thuận đồng ý với tổ chức tham gia theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</i></p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				đồng tín dụng hoặc văn bản khác có liên quan đã ký kết, trường hợp hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có liên quan không có nội này thì Khách hàng vay và tổ chức tín dụng phải có văn bản thỏa thuận áp dụng theo Phụ lục I ban hành theo theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP.	
30	<p>Điều 4. Nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng</p> <p>5. Nguyên tắc cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:</p> <p>a) Công ty thông tin tín dụng thực hiện cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này;</p> <p>b) Công ty thông tin tín dụng chỉ được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức tham gia khác khi khách hàng vay đồng ý cho tổ chức này được sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng do công ty thông tin tín dụng</p>	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	SHB	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm c Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP quy định nguyên tắc cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng. - Tuy nhiên điểm đ Khoản 1 Điều 21 “Cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng” Nghị định số 58/2021/NĐ-CP quy định: “1. Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho các đối tượng sử dụng sau đây: ...đ) Tổ chức, cá nhân khác để phục vụ cho các mục đích hợp pháp theo quy định của pháp luật.” - Nội dung này không rõ nghĩa, công ty thông tin tín dụng nêu đã được khách hàng đồng ý cung cấp thông tin định danh thì cần được 	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung tại dự thảo Nghị định theo hướng sửa điểm c khoản 5 như sau:</p> <p>“...c) Công ty thông tin tín dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định này.”</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>cung cấp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp tổ chức này được khách hàng vay đồng ý theo quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>c) Công ty thông tin tín dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức, cá nhân khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định này.</p>			<p>phép cung cấp thông tin tín dụng có thông tin định danh cho các tổ chức, cá nhân khác để phục vụ cho các mục đích hợp pháp theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Đề xuất: Đơn vị soạn thảo xem xét sửa đổi bổ sung điểm c Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP theo hướng cho phép công ty thông tin tín dụng được phép cung cấp thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho các tổ chức, cá nhân khác để phục vụ các mục đích hợp pháp trong trường hợp khách hàng vay đồng ý cung cấp thông tin định danh.</p>	
31	<p>Điều 7. Báo cáo hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng</p> <p>1. Công ty thông tin tín dụng gửi báo cáo bằng văn bản trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính; hoặc bằng phương thức điện tử đến Ngân hàng Nhà nước các báo cáo sau:</p> <p>.....</p>	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	Bộ Tài chính	<p>Đề nghị NHNN cân nhắc, nghiên cứu sửa đổi quy định về chế độ báo cáo định kỳ của tổ chức cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo hướng 100% báo cáo gửi về NHNN được thực hiện thông qua phương thức điện tử (sử dụng chữ ký số công cộng), loại bỏ hoàn toàn báo cáo bằng văn bản giấy để đồng bộ với mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung liên quan tại dự thảo Nghị định.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	<p>Điều 9. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận</p> <p>... 4. Có phương án kinh doanh đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng.</p>	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	PCB	<p>Trên thực tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định 58, PCB vẫn phải tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan, trong đó có quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đề xuất NHNN nghiên cứu bổ sung vào Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2021/NĐ-CP (Nghị định sửa đổi) quy định có tính nguyên tắc theo hai phương án sau:</p> <p>1. Bãi bỏ Điều 9.4 và sửa đổi điểm 2 Phương án kinh doanh tại Phụ lục VII Nghị định 58 (bỏ đoạn “không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng”).</p> <p><u>Hoặc</u></p> <p>2. Bổ sung quy định sau vào cuối Điều 9.4 của Nghị định 58: “Việc xin giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân nhằm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân không bị coi là thực hiện hoạt động kinh doanh khác ngoài dịch vụ thông tin tin dụng.”</p> <p>Lý do:</p>	<p>Tiếp thu một phần.</p> <p>- Khoản 2 Điều 3 Nghị định 58/2021/NĐ-CP quy định “Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng là việc công ty thông tin tin dụng <u>cung cấp sản phẩm thông tin tin dụng</u> cho các đối tượng sử dụng trên cơ sở các hoạt động <u>thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tin dụng</u> của công ty thông tin tin dụng theo quy định tại Nghị định này”. Theo đó, hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng bao gồm một số hoạt động dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân quy định tại Điều 21 Nghị định 356/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Điều 21 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân” có phạm vi rộng. Theo đó, khoản 4 Điều 9 Nghị định 58/2021/NĐ-CP được sửa đổi theo hướng: công ty thông tin tin dụng chỉ thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, trong đó bao gồm dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân”.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>1. Hiện tại, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Luật BVĐLCN) và Nghị định 356/2025/NĐ-CP không có định nghĩa về “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân”. Thay vào đó, Luật BVĐLCN (Điều 33.3) giao Chính phủ quy định về “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân”, và Nghị định 356 (Điều 21) chỉ liệt kê các dịch vụ được xem là “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân” (trong đó có “Dịch vụ chấm điểm, xếp hạng, đánh giá mức độ tín nhiệm của chủ thể dữ liệu cá nhân”). Theo quy định của Luật Đầu tư, ngành nghề “cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng” và ngành nghề “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân” là 02 ngành nghề kinh doanh có điều kiện khác nhau. Ngoài ra, Nghị định 58 (Điều 9.4) yêu cầu công ty thông tin tin dụng “có phương án kinh doanh đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng”. Do đó, có thể hiểu một cách hợp lý là “dịch vụ thông tin tin dụng” không phải là “dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân”. Tuy nhiên, cách giải thích và áp dụng Luật</p>	<p>nhân để thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng theo quy định của pháp luật.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>BVDLCN và Nghị định 356 của Bộ Công an có vẻ không theo hướng này, và các tổ chức tham gia cũng đang có cách hiểu và giải thích khác nhau, vì vậy, việc sửa Nghị định 58 nên góp phần giải quyết cách hiểu/giải thích không thống nhất này.</p> <p>2. Điều 27 Luật BVDLCN quy định chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tin dụng, và Điều 8 Nghị định 356 quy định chi tiết hơn về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tin dụng, tuy nhiên, các quy định này hiện đang áp dụng chung cho các hoạt động tài chính, ngân hàng và hoạt động thông tin tin dụng. Có thể nói, phạm vi hoạt động tài chính, ngân hàng rộng hơn rất nhiều so với hoạt động thông tin tin dụng, trong khi đó, hoạt động thông tin tin dụng được điều chỉnh chủ yếu bởi Nghị định 58, do vậy, Nghị định sửa đổi nên được tiếp cận theo hướng quy định cụ thể hóa các quy định nêu trên của Luật BVDLCN và Nghị định 356.</p>	

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33	Khoản 1 Điều 10: 1. Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	Bắc Á	Đề nghị bỏ cụm từ “công chứng bản dịch” do theo Luật Công chứng 2024 (có hiệu lực từ ngày 1/7/2025) đã bỏ quy định về công chứng bản dịch.	Nghị định đang quy định “công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật”, theo đó những trường hợp có bản dịch công chứng còn hiệu lực theo quy định của pháp luật thì vẫn được sử dụng.
34	Điều 18. Thu thập thông tin tín dụng ... 3. Thông tin tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này không bao gồm thông tin về việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro đối với các khoản cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	PCB	Đề xuất xóa Khoản 3 Điều 18. Lý do: Trong thực tế nghiệp vụ, khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro vẫn là khoản nợ có nghĩa vụ chi trả, không phải là khoản nợ được xóa bỏ. Do đó, việc thiếu thông tin này có thể làm giảm/sai lệch kết quả đánh giá thông tin tín dụng của khách hàng vay.	Khoản 4 Điều 11 Nghị định 86/2024/NĐ-CP quy định: “4. ... <i>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thông báo cho khách hàng về việc khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.</i> ” Theo đó nội dung quy định tại khoản 3 Điều 18 là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định 86/2024/NĐ-CP. nhằm tránh việc khách hàng chây ì trong việc thực hiện các nghĩa vụ nợ đối với TCTD, CNNHNNg.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
35			FCBV	<p>Khoản 1 Điều 21 Nghị định 58/2021/NĐ-CP quy định 5 đối tượng được sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng. Bên cạnh đó, điểm c Khoản 5 Điều 4 quy định Công ty thông tin tín dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức, cá nhân khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định này.</p> <p>Trong thực tế, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu khai thác sản phẩm thông tin tín dụng từ nhiều công ty thông tin tín dụng khác nhau để phục vụ hoạt động đánh giá khách hàng vay và quản trị rủi ro, trong khi đang là tổ chức tham gia của một công ty thông tin tín dụng. Các tổ chức này có thể được xếp vào nhóm đối tượng tổ chức, cá nhân khác tại Khoản 1 Điều 21 nhưng lại bị hạn chế bởi điểm c Khoản 5 Điều 4 về sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh. Điều này làm hạn chế khả năng tiếp cận và giảm hiệu quả khai thác các sản phẩm thông tin tín dụng của thị trường.</p>	<p>Tiếp thu một phần và chỉnh sửa điểm c khoản 5 Điều 4 theo hướng:</p> <p>- Công ty thông tin tín dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21.</p> <p>Việc quy định tổ chức (không bao gồm TCTD, CNNHN), cá nhân khác không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh nhằm kiểm soát mục đích sử dụng TTTD, bảo mật thông tin, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng liên quan đến việc cung cấp sản phẩm TTTD, phù hợp với quy định tại Bộ Luật Dân sự và các quy định pháp luật khác liên quan. Đồng thời, quy định này vẫn đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của các chủ thể trong nền kinh tế, phù hợp</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>Đề xuất điều chỉnh điểm nhập điểm b và c Khoản 5 Điều 4 theo hướng theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty thông tin tín dụng chỉ được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức tham gia khác, cá nhân và tổ chức khác khi khách hàng vay đồng ý cho tổ chức này được sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng cung cấp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp tổ chức này được khách hàng vay đồng ý theo quy định tại khoản 4 Điều này. <p>Việc điều chỉnh theo hướng nêu trên không làm thay đổi nguyên tắc bảo vệ thông tin của khách hàng vay, do việc cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh vẫn chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý cụ thể của khách hàng vay và phục vụ mục đích hợp pháp. Đồng thời, quy định này sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, tạo điều kiện để các tổ chức có nhu cầu hợp pháp được</p>	<p>với định hướng mở rộng đối tượng được cung cấp sản phẩm TTTD.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				tiếp cận thông tin tín dụng, nâng cao chất lượng đánh giá rủi ro, hạn chế gian lận và hỗ trợ khách hàng vay có lịch sử tín dụng tốt tiếp cận dịch vụ tài chính phù hợp.	
36	<p>Điều 22. Điều chỉnh sai sót đối với thông tin tín dụng của khách hàng vay</p> <p>1. ...b) Tổ chức tham gia phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín dụng văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng phải có văn bản thông báo kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới tổ chức tham gia trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của tổ chức tham gia;</p> <p>c) Khách hàng vay phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín</p>	Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	PVcombank	<p>Đề xuất sửa đổi điểm b, c khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 22 NĐ 58/2021/NĐ-CP như sau: “1. Công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong các trường hợp sau đây: ...b) Tổ chức tham gia phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín dụng văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng phải có văn bản thông báo kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới tổ chức tham gia trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của tổ chức tham gia;</p> <p>c) Khách hàng vay phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín dụng</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định theo hướng rút ngắn thời gian xử lý, điều chỉnh sai sót.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>dụng hoặc tổ chức tham gia văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức tham gia phải có văn bản thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý và kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới khách hàng vay trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. ...a) Trường hợp sai sót phát sinh do quá trình xử lý thông tin của công ty thông tin tín dụng thì công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay;</p> <p>b) Trường hợp công ty thông tin tín dụng xác định</p>			<p>hoặc tổ chức tham gia văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức tham gia phải có văn bản thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý và kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới khách hàng vay trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót theo đề nghị của khách hàng vay như sau:</p> <p>a) Trường hợp sai sót phát sinh do quá trình xử lý thông tin của công ty thông tin tín dụng thì công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay;</p> <p>b) Trường hợp công ty thông tin tín dụng xác định sai sót phát sinh từ thông tin thu thập tại tổ chức tham gia, công ty thông tin tín</p>	

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	sai sót phát sinh từ thông tin thu thập tại tổ chức tham gia, công ty thông tin tin dụng thực hiện thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý (trong đó nêu rõ nguồn phát sinh sai sót) trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc và phối hợp với tổ chức tham gia điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay.			<p>dụng thực hiện thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý (trong đó nêu rõ nguồn phát sinh sai sót) trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc và phối hợp với tổ chức tham gia điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay.</p> <p>... “Đề nghị sửa các mốc thời gian điều chỉnh thông tin sai sót như ở bên vì từng trường hợp nguồn sai sót khác nhau cần có thời gian điều chỉnh sai sót khác nhau và đều nên rút ngắn so với quy định hiện hành vì các thông tin sai sót này cần được đính chính kịp thời để không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân liên quan. Theo đó: nếu sai sót phát sinh từ công ty thông tin tin dụng thì việc điều chỉnh và trả kết quả phải diễn ra trong vòng tối đa 02 ngày làm việc ...</p>	
37		Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	Hiệp hội Ngân hàng	Đề xuất xem xét bổ sung quy định làm rõ trách nhiệm phối hợp/hỗ trợ/Thực hiện của Công ty TTDD đối với TCTD trong việc thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu	<p>Không tiếp thu.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung ứng dịch vụ thông tin

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm cơ chế tiếp nhận, xử lý, cập nhật và phản hồi yêu cầu liên quan đến dữ liệu tín dụng nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện.	tín dụng, Công ty thông tin tín dụng và tổ chức tham gia đã có văn bản thỏa thuận gồm các nội dung tối thiểu, trong đó bao gồm trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên (quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP, Phụ lục XIII của dự thảo Nghị định). Nội dung tại văn bản thỏa thuận đã bao quát nội dung đề xuất bổ sung của các đơn vị.
38		Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	NCB	Dự thảo bổ sung các quy định liên quan đến yêu cầu về tuân thủ pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhưng chưa có điều khoản quy định rõ về trách nhiệm của Công ty thông tin tín dụng (“Công ty TTTD”) trong việc hỗ trợ các Tổ chức tín dụng là Công ty tham gia (“TCTD”) trong việc thực hiện các quyền của chủ thể dữ liệu (như quyền chỉnh sửa, xóa dữ liệu). Việc chưa quy định rõ cơ chế phối hợp có thể dẫn đến khó khăn trong quá trình xử lý yêu cầu của chủ thể dữ liệu, đồng thời phát sinh rủi ro về trách nhiệm giữa các bên. Đề nghị bổ sung quy định làm rõ trách nhiệm phối hợp/hỗ trợ/Thực hiện của Công ty TTTD đối với TCTD trong việc thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm	- Ngoài ra, Nghị định số 58/2021/NĐ-CP đã có các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên (Điều 22 quy định về việc điều chỉnh sai sót đối với thông tin tín dụng, Điều 24 về quyền và nghĩa vụ của công ty thông tin tín dụng, Điều 25 về quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia, Điều 26 về quyền và nghĩa vụ của khách hàng vay).

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>ơ chế tiếp nhận, xử lý, cập nhật và phản hồi yêu cầu liên quan đến dữ liệu tín dụng nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện.</p>	
39		Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	NH Công thương VN (VietinBank)	<p>Nội dung dự thảo mới đưa ra yêu cầu “có thỏa thuận” mà chưa quy định trách nhiệm khi dữ liệu bị sai lệch, vi phạm dữ liệu hoặc cơ chế phối hợp xử lý khiếu nại của khách hàng. Điều này dẫn đến nguy cơ phát sinh tranh chấp và ảnh hưởng lớn đến quyền lợi khách hàng. Đề nghị bổ sung nguyên tắc phân định trách nhiệm khi dữ liệu sai hoặc bị lộ thông tin và cơ chế phối hợp xử lý khiếu nại liên quan đến thông tin tín dụng của khách hàng vay.</p>	
40			Hiệp hội Ngân hàng, NCB	<p>Dự thảo chưa quy định rõ trách nhiệm của Công ty TTTD trong trường hợp xảy ra rò rỉ, lộ lọt, mất an toàn dữ liệu từ hệ thống hoặc do lỗi của Công ty TTTD, dẫn đến khó khăn trong việc phân định trách nhiệm giữa các bên khi phát sinh khiếu nại, tranh chấp với khách hàng. Đề xuất xem xét bổ sung quy định làm rõ trách nhiệm của Công ty TTTD trong việc trực</p>	<p>Không tiếp thu. Lý do: Nghị định số 340/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đã có quy định về xử phạt vi phạm quy định về hoạt động thông tin tín dụng và hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				tiếp tiếp nhận, xử lý và/hoặc phối hợp với TCTD tiếp nhận, xử lý yêu cầu, khiếu nại của khách hàng; đồng thời quy định cơ chế phân định trách nhiệm giữa Công ty TTTD và TCTD trong trường hợp xảy ra rò rỉ, lộ lọt, mất an toàn dữ liệu hoặc sử dụng dữ liệu trái quy định.	
41		Chưa có quy định tại dự thảo Nghị định	PCB, Hiệp hội Ngân hàng, NCB	<p>Đề xuất bổ sung quy định chuyển tiếp về việc ký kết/sửa đổi thỏa thuận/cam kết, có thể là khoản 3 (mới), như sau:</p> <p>“3. Sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc ký kết thỏa thuận, cam kết mới phải được thực hiện theo các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Đối với các thỏa thuận, cam kết được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, công ty thông tin tín dụng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận, cam kết đã ký kết cho đến hết thời hạn theo thỏa thuận, cam kết. Việc sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận, cam kết này chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, công ty thông tin tín dụng sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận, cam kết được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phù hợp với các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan (nếu cần thiết). - Đối với các thỏa thuận giữa tổ chức tham gia và khách hàng vay theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện, không phải thỏa

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>của Nghị định này và pháp luật có liên quan.”</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có thời hạn hợp lý để công ty thông tin tín dụng rà soát/cập nhật các quy định nội bộ và chuẩn bị cho việc ký kết các cam kết/thỏa thuận mới, cũng như không tạo gánh nặng tuân thủ cho công ty thông tin tín dụng đang hoạt động. - Nghị định sửa đổi không quy định rõ có phải ký kết lại các thỏa thuận/cam kết hay đã ký kết trước ngày Nghị định sửa đổi có hiệu lực thi hành hay không (như: văn bản thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng, văn bản thỏa thuận về việc công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng). - Đồng thời, đối với việc thu thập thông tin tín dụng của khách hàng vay là cá nhân, đề xuất sửa đổi phù hợp với tinh thần của Luật BVDLCN (với tư cách là pháp luật chuyên ngành), trong đó quy 	thuận lại.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				định hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân đang thực hiện mà đã được chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý hoặc theo thỏa thuận theo quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện, không phải xin đồng ý lại hoặc thỏa thuận lại.	
42	Phụ lục I - Nội dung văn bản thỏa thuận cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng (giữa tổ chức tham gia và khách hàng vay)		VCB	Đề nghị bổ sung nội dung sửa đổi mục 2 Phụ lục I NĐ 58 theo hướng sửa “số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có)” thành “mã số doanh nghiệp”. Cơ sở đề xuất: Mục 2 Phụ lục I NĐ 58 quy định: “2. Bên B: Tổ chức tham gia gồm các thông tin: Tên tổ chức; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có); nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật”. Theo Luật các TCTD năm 2024, giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD đồng thời là GCNĐKDN. Do đó, việc ghi thông tin về GCNĐKDN là chưa phù hợp với TCTD, nên sửa thành mã số doanh nghiệp.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại Phụ lục I dự thảo Nghị định.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
43			PCB	<p>Đề xuất NHNN sửa đổi Nghị định 58 theo hướng:</p> <p>1. Nếu có sự đồng ý của khách hàng vay theo đúng Phụ lục I (ban hành kèm theo Nghị định này) thì được xem là ĐÃ ĐẢM BẢO tuân thủ quy định của pháp luật về sự đồng ý của khách hàng vay theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.</p> <p><i>Hoặc:</i></p> <p>2. Lồng ghép các yêu cầu tại Điều 8.2 Nghị định 356 vào Phụ lục I.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật BVDLCN (Điều 27.1.b) quy định: “Không sử dụng thông tin tín dụng của chủ thể dữ liệu cá nhân để chấm điểm, xếp hạng tín dụng, đánh giá thông tin tín dụng, đánh giá mức độ tín nhiệm về tín dụng của chủ thể dữ liệu cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân”. - Nghị định 356 (Điều 8.2) quy định: “Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng là bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân khi xin sự đồng ý của chủ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu một phần và chỉnh sửa, bổ sung theo hướng: bổ sung yêu cầu tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP vào nội dung thỏa thuận giữa khách hàng và tổ chức tham gia tại Phụ lục I của dự thảo Nghị định. - Đối với đề xuất bổ sung nội dung tại điểm 1 “Nếu có sự đồng ý của khách hàng vay theo đúng Phụ lục I (ban hành kèm theo Nghị định này) thì được xem là đã đảm bảo...”: nội dung tại Phụ lục 1 Nghị định 58/2021/NĐ-CP chỉ có yêu cầu tối thiểu về sự đồng ý cung cấp thông tin, theo đó nội dung đề xuất nêu trên có thể chưa đảm bảo tính phù hợp.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>thê dữ liệu cá nhân phải đảm bảo nêu rõ: a) Các mục đích xử lý dữ liệu cá nhân, bao gồm hoạt động chăm sóc, xếp hạng tín dụng, đánh giá thông tin tín dụng, đánh giá mức độ tín nhiệm về tín dụng nếu có; b) Nguồn thu thập dữ liệu cá nhân và các bên thu thập, chia sẻ dữ liệu cá nhân liên quan; c) Thời gian lưu trữ dữ liệu cá nhân; d) Cơ chế, cách thức rút lại sự đồng ý và chính sách xóa, hủy dữ liệu cá nhân theo quy định.”</p> <p>Tuy nhiên, nội dung của Phụ lục I không đề cập cụ thể đến các nội dung cần phải nêu rõ khi xin sự đồng ý của khách hàng vay (như quy định tại Điều 8.2 Nghị định 356), vì vậy việc làm rõ như đề xuất là cần thiết.</p>	
44			PCB	<p>Đề xuất NHNN rà soát lại quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ, và phân quyền cấp, thu hồi, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Giấy chứng nhận) để có điều chỉnh phù hợp.</p> <p>Lý do: Hiện đang có sự không thống nhất sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục IX và XII đang quy định 	<p>Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026, Kết luận số 18-KL/TW ngày 2/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, dự</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>việc cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của Thống đốc NHNN.</p> <p>- Phụ lục X và Phụ lục XI đang quy định việc thay đổi nội dung mẫu Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của Giám đốc NHNN chi nhánh khu vực.</p> <p>- Điều 4.4 của Nghị định sửa đổi quy định NHNN cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách, hoặc hư hỏng khác và theo đơn đề nghị lập theo Phụ lục X (gửi NHNN Chi nhánh Khu vực).</p>	<p>kiến TTHC quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2021/NĐ-CP sẽ được phân cấp theo hướng như sau:</p> <p>- Phân cấp giải quyết 01/3 TTHC (thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng): thuộc thẩm quyền của NHNN Trung ương;</p> <p>- Phân cấp giải quyết 02/3 TTHC (thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc, thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đặt trụ sở chính).</p> <p>Theo đó, các Phụ lục của Nghị định được sửa đổi, bổ sung phù hợp với việc phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC nêu trên.</p>
45			VCB	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung sau: "...thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân".	Khoản 2 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc phải tuân thủ quy định của Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Vì vậy, đề nghị NHNN xem xét có hướng dẫn đối với trường hợp PCB cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho các TCTD thì PCB có phải tuân thủ quy định tại Điều 7.3.a Nghị định 356/2025/NĐ-CP nêu trên không?	liên quan. Theo đó, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân” theo quy định tại Điều 23 Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, Điều 28 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP.
46			VCB	<p>- Điều 7.3.a Nghị định 356/2025/NĐ-CP: “Trường hợp chuyển giao dữ liệu cá nhân theo điểm a, điểm d khoản 1 Điều 17 của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân có thu phí để cung cấp dịch vụ cho chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân, tổ chức, cá nhân tuân thủ các quy định như sau: a) Phải thiết lập hệ thống kỹ thuật, cơ chế minh bạch để chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý chính xác, rõ ràng theo từng lần chuyển giao, trên cơ sở được biết chính xác mục đích chuyển giao, tổ chức, cá nhân tiếp nhận và xử lý dữ liệu cá nhân;”</p> <p>- Về triển khai trong thực tế: Công ty cổ phần thông tin tín dụng Việt Nam (PCB) không phải là chủ thể làm việc trực tiếp với các bên vay;</p>	Khoản 3 Điều 7 Nghị định 356/2025/NĐ-CP quy định đối với trường hợp: chuyển giao dữ liệu cá nhân (<i>trong các trường hợp: a) Chuyển giao dữ liệu cá nhân khi có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân; d) Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba để xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định</i>) có thu phí để cung cấp dịch vụ cho chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân. Theo đó: - Trường hợp PCB cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho các TCTD được hiểu là

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>các TCTD là bên cho vay làm việc trực tiếp với Bên vay thì không thể biết được từng lần PCB chuyên giao sản phẩm thông tin tín dụng cho các TCTD khác, đồng thời việc các TCTD chuyển giao dữ liệu cho PCB theo tần suất thường xuyên liên tục (có trường hợp tần suất chỉ vài ngày 1 lần) nên việc lấy ý kiến của KH trong từng lần chuyển giao gặp nhiều khó khăn trong thực tế triển khai.</p> <p>Vì vậy, đề nghị NHNN xem xét có hướng dẫn đối với việc lấy ý kiến của KH đối với từng lần chuyển giao trong việc TCTD cung cấp TTTD cho Công ty TTTD và Công ty TTTD cung cấp sản phẩm TTTD cho TCTD.</p>	<p>không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 do các TCTD không phải là chủ thể của dữ liệu cá nhân.</p> <p>- Việc lấy ý kiến của khách hàng (là chủ thể dữ liệu cá nhân) đối với từng lần chuyển giao theo quy định tại khoản 3 Điều 7: được thực hiện trong trường hợp để cung cấp dịch vụ cho khách hàng hoặc để phục vụ lợi ích hợp pháp của khách hàng.</p>

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
47			FE Credit (VPB SMBC FC)	<p>Đề nghị Quý Cơ quan xem xét sửa đổi, bổ sung cụm từ “<i>các thông tin có liên quan khác</i>” trong khái niệm “thông tin định danh” khách hàng cá nhân tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định 117/2018/NĐ-CP.</p> <p><u>Cơ sở đề xuất:</u></p> <p>- Hiện nay, các thông tin liên quan tới hành vi của khách hàng, thông tin thiết bị của khách hàng như tên thiết bị, địa chỉ IP, vị trí GPS của thiết bị, tên địa chỉ GPS của thiết bị.... cũng có giá trị hỗ trợ trong việc đánh giá năng lực tài chính cũng như khả năng trả nợ của khách hàng. Việc làm rõ các loại thông tin trên không thuộc phạm vi “thông tin định danh” sẽ góp phần cung cấp nhiều nguồn thông tin hợp pháp khác nhau cho các tổ chức khi xét duyệt cấp tín dụng.</p> <p>- Tuy nhiên, hiện nay cụm từ “các thông tin có liên quan khác” trong giải thích từ ngữ về “thông tin định danh khách hàng” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định 117/2018/NĐ-CP là chưa rõ ràng. Điều này dẫn đến các tổ chức lúng túng trong việc</p>	Đề xuất của đơn vị không thuộc phạm vi của dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 58/2021/NĐ-CP.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				triển khai thực hiện, cũng như tiềm ẩn rủi ro pháp lý khi kinh doanh và sử dụng “sản phẩm thông tin tin dụng có thông tin định danh của khách hàng” mà có các thông tin về thiết bị, hành vi của khách hàng. Việc sửa đổi này cũng tạo ra hành lang pháp lý minh bạch cho các doanh nghiệp trong quá trình cung ứng và sử dụng sản phẩm thông tin tin dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.	
48			VCB	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung trường hợp cấp lại GCN nếu GCN đã được cấp bị lỗi, sai sót	GCN được cấp theo mẫu tại Phụ lục, qua thực tế triển khai Nghị định 58/2021/NĐ-CP chưa phát sinh trường hợp cấp bị lỗi, sai sót.
49			NHNo	Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát một số lỗi về chính tả, trùng lặp từ ngữ, đánh số thứ tự điểm, khoản; thống nhất thuật ngữ trong toàn văn bản.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.
50			KCI	Đề nghị NHNN tiến hành đánh giá tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định 58 để có những sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tiễn nhằm tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và thị trường thông tin tin	NHNN đã xây dựng dự thảo Báo cáo Chính phủ về Tổng kết việc thi hành Nghị định 58/2021/NĐ-CP tại hồ sơ dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				dụng theo hướng minh bạch, an toàn và có kiểm soát, đồng thời tạo cơ chế bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế (trong đó có nguồn dữ liệu) theo quan điểm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025.	
51			Bộ Tài chính	Về tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật: Đề nghị NHNN rà soát kỹ các quy định về quy trình bảo vệ dữ liệu cá nhân, đánh giá tác động xử lý dữ liệu và kiểm soát luồng dữ liệu xuyên biên giới của các công ty thông tin tin dụng để đảm bảo tính đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Kế toán...	Tiếp thu. Tại dự thảo Nghị định có bổ sung các quy định như: - Tại Điều 4: Nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng phải tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định pháp luật khác có liên quan; - Tại Điều 17: công ty thông tin tin dụng phải bổ sung/ban hành quy định quy định nội bộ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
52			Bộ Tài chính	Đề nghị NHNN thực hiện xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực	Tiếp thu và bổ sung tại Hồ sơ dự thảo Nghị định.

STT	Quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)	Nội dung tại Dự thảo Nghị định (DTND)	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định theo biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	